

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 168/MĐC-QTTB

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2016

THÔNG BÁO

Về việc mua sắm vật tư, hóa chất và dụng cụ phòng thí nghiệm

Kính gửi: Các đơn vị trong trường

Căn cứ thông báo số 140/MĐC-TV ngày 19 tháng 4 năm 2016 của Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc phân bổ kinh phí hoạt động;

Căn cứ nhu cầu mua vật tư, hóa chất, dụng cụ nhỏ phục vụ hướng dẫn thí nghiệm, thực tập, thực hành của các đơn vị,

Nhà trường gửi kèm theo thông báo này bảng kinh phí mua sắm vật tư, hóa chất, dụng cụ nhỏ phục vụ thí nghiệm năm học 2016 - 2017 cho các phòng thí nghiệm và đề nghị các đơn vị quản lý PTN thực hiện một số nội dung sau:

1. Theo kinh phí được duyệt, đơn vị lập danh mục vật tư, hóa chất, dụng cụ, kết hợp cùng phòng Quản trị - Thiết bị thực hiện việc mua sắm.

2. Việc thực hiện mua sắm trên bắt đầu từ ngày 15/8/2016 đến hết ngày 31/10/2016. Sau ngày 31/10/2016 phòng QTTB sẽ không giải quyết các nhu cầu mua sắm vật tư, hóa chất và dụng cụ thí nghiệm của năm học 2016 - 2017.

Các đơn vị có ý kiến thắc mắc, đề nghị liên hệ và làm việc trực tiếp với phòng Quản trị - Thiết bị.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (để thực hiện);

- Lưu: HCTH, QTTB (Tung)

Số:/MĐC ngày tháng năm 20.....

TL HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐH MỎ - ĐỊA CHẤT

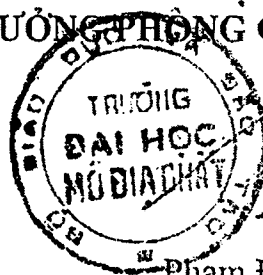
TL. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG PHÒNG QUẢN TRỊ - THIẾT BỊ

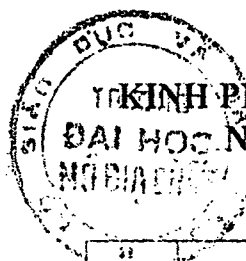


PHÓ TRƯỞNG PHÒNG HCTH

Ths. Dương Thị Tuyết Nhung



Phạm Đức Thiên



KINH PHÍ MUA SẴM VẬT TƯ, HÓA CHẤT, DỤNG CỤ THÍ NGHIỆM
ĐẠI HỌC NHỎ CÁC PHÒNG THÍ NGHIỆM NĂM HỌC 2016 - 2017
 (Kèm theo thông báo số 168/MĐC-QTTB ngày 20/5/2016)

STT	Phòng thí nghiệm	Đơn vị quản lý	Số tiền duyệt mua
1	PTN Tự động hóa	BM Tự động hóa	20.000.000
2	PTN Xây dựng	BM Xây dựng Công trình ngầm	25.000.000
3	PTN Vật lý	BM Vật lý	10.000.000
4	PTN Triển khai Công nghệ thăm dò & phân tích trọng sa	BM Tìm kiếm thăm dò	20.000.000
5	PTN & Xưởng thực tập hệ thống điện	BM Điện khí hóa	20.000.000
6	PTN Máy và thiết bị Mỏ	BM Máy và thiết bị Mỏ	10.000.000
7	PTN & Xưởng Thực hành kỹ thuật Điện - Điện tử	BM Kỹ thuật điện - điện tử	20.000.000
8	PTN Địa chất thủy văn	BM Địa chất thủy văn	20.000.000
9	PTN Hóa học	BM Hóa	80.000.000
10	PTN Cơ vật liệu công trình	BM Sức bền vật liệu	25.000.000
11	PTN Tuyển khoáng và Môi trường	BM Tuyển khoáng	40.000.000
12	PTN Công nghệ địa chính	BM Địa chính	30.000.000
13	BM Địa vật lý	BM Địa vật lý	20.000.000
14	PTN Địa chất học	BM Địa chất	30.000.000
15	PTN Khai thác hầm lò	BM khai thác Hầm lò	15.000.000
16	PTN Khoáng sản	BM Khoáng sản	25.000.000
17	PTN Khoáng thạch	BM Khoáng thạch	25.000.000
18	Xưởng cơ khí	Xưởng cơ khí	25.000.000
19	PTN Khoan khai thác	BM Khoan khai thác	15.000.000
20	PTN Địa kỹ thuật công trình	BM Địa chất công trình	40.000.000
21	PTN Kỹ thuật cơ khí - Thủy lực	BM Kỹ thuật cơ khí	30.000.000
22	Tổ máy trắc địa	Tổ máy trắc địa	75.000.000
23	PTN Lọc hóa dầu	BM Lọc hóa dầu	75.000.000
24	PTN Địa sinh thái - Môi trường	BM Địa sinh thái và CNMT	35000000
25	BM Giáo dục thể chất	BM Giáo dục thể chất	65.000.000
26	PTN Địa Tin học	Khoa CNTT	40.000.000
27	PTN Kỹ thuật Môi trường	Khoa Môi trường	15.000.000